TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LANG CHÁNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày 22 tháng 6 năm 2023

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Viết Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Hải

2. Bà Lê Thị Thiết

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhản - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu phố LL, thị trấn LC, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa.

Ông Trần Văn Ng, sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu phố LL, thị trấn LC, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị O *(Văn bản ủy quyền ngày 08/8/2022)*; có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu phố NT, thị trấn LC, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 08/8/2022, được bổ sung trong bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Trần Văn Ng đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị O trình bày:

Ngày 03/02/2018, chị Nguyễn Thị X đến nhà ông, bà hỏi vay tiền, hai bên thoả thuận thống nhất cho chị X vay tiền, cụ thể như sau:

Lần 1: Buổi sáng ngày 03/02/2018, ông Ng, bà O cho chị X vay 60.000.000

đồng *(Sáu mươi triệu đồng)*, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay từ ngày 03/02/2018 đến ngày 03/06/2022.

Lần 2: Buổi chiều ngày 03/02/2018, ông Ng, bà O cho chị X vay 76.300.000 đồng *(Bảy mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng)*, không tính lãi, thời hạn vay từ ngày 03/02/2018 đến ngày 03/06/2020.

Kể từ khi chị X vay tiền của ông Ng, bà O đến nay chị X chưa trả được đồng tiền gốc, tiền lãi nào. Đã nhiều lần ông, bà yêu cầu chị X trả nợ, nhưng chị X luôn tìm cách né tránh và nói những lời lẽ không thuyết phục. Đến nay thời hạn vay tiền đã hết. Vì vậy, ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị X phải trả các khoản tiền vay ngày 03/02/2018, cụ thể:

- Số tiền gốc đã vay lần 1 là 60.000.000 đồng *(Sáu mươi triệu đồng)*. Theo đơn khởi kiện, ông Ng, bà O yêu cầu chị X phải trả lãi từ ngày vay đến ngày 03/8/2022, thời gian tính lãi là 54 tháng, lãi suất 1,5%/tháng, số tiền lãi là: 60.000.000 đồng x 1,5% x 54 tháng = 48.600.000 đồng *(Bốn mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng)*. Tại phiên tòa, ông Ng đề nghị tiếp tục tính lãi từ ngày 04/8/2022 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm 22/6/2023, thời gian tính lãi tính tròn là 10 tháng, với lãi suất 1,5%/tháng, tiền lãi là: 60.000.000đ x 1,5% x 10 tháng = 9.000.000 đồng *(Chín triệu đồng)*. Tổng cả gốc và lãi là 117.600.000 đồng *(Một trăm mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

- Số tiền gốc đã vay lần 2 là 76.300.000 đồng *(Bảy mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng)*. Đối với khoản vay này, ông Ng, bà O không yêu cầu chị X phải trả lãi.

Tổng các khoản ông Ng, bà O yêu cầu chị X phải trả là: 117.600.000 đồng + 76.300.000 đồng = 193.900.000 đồng *(Một trăm chín mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng)*.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị X không đến Toà án để tham gia giải quyết vụ án. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, chị X vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*; bị đơn cư trú tại huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

[2]. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn là chị Nguyễn Thị X không có yêu cầu phản tố, vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt chị X.

[3]. Xét yêu cầu của ông Trần Văn Ng, bà Nguyễn Thị O: Căn cứ lời trình bày của ông Ng, bà O phù hợp với nội dung các Giấy nhận vay tiền cùng ngày

03/02/2018 do ông Ng, bà O giao nộp có chữ ký của chị X. Do đó, có cơ sở xác định, ngày 03/02/2018, chị X vay tiền của ông Ng, bà X 02 lần, cụ thể: Lần 1, vay 60.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 03/6/2022; lần 2, vay 76.300.000 đồng, không lãi, thời hạn trả nợ là ngày 03/6/2020. Theo nội dung thỏa thuận giữa ông Ng, bà O và chị X thì hợp đồng vay tài sản giữa hai bên được xác định là hợp đồng vay có kỳ hạn, nhưng khi đến hạn trả nợ chị X không trả tiền gốc và tiền lãi cho ông Ng, bà O như hai bên đã thỏa thuận. Như vậy, chị X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự (BLDS). Ông Ng, bà O yêu cầu chị X trả cho ông, bà các khoản vay ngày 03/02/2018 là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc chị X phải trả cho ông Ng, bà O các khoản vay cùng ngày 03/02/2018, cụ thể: Khoản vay lần 1 là 60.000.000 đồng và khoản vay lần 2 là 76.300.000 đồng.

[4]. Về lãi, lãi suất:

- Về lãi: Đối với hợp đồng vay tài sản giữa ông Ng, bà O và chị X lần 1, lập ngày 03/02/2018, với số tiền 60.000.000 đồng. Căn cứ lời trình bày của ông Ng, bà O phù hợp với nội dung Giấy nhận vay tiền ngày 03/02/2018, đủ căn cứ xác định đây là hợp đồng vay tài sản có lãi. Nay ông Ng, bà O yêu cầu chị X phải trả lãi cho ông, bà là phù hợp nên có căn cứ để xem xét.

- Về lãi suất: Ông Ng, bà O yêu cầu chị X phải trả lãi cho ông, bà kể từ ngày vay 03/02/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 22/6/2023, cùng một mức lãi suất là 1,5%/tháng, thấy:

Đối với lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả: Căn cứ Giấy nhận vay tiền lần 1, ngày 03/02/2018, với số tiền vay 60.000.000 đồng thì hai bên thỏa thuận lãi trong hạn với mức lãi suất là 1,5%/tháng, không vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS, nên chấp nhận.

Đối với lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: Các bên không có thoả thuận về lãi trên nợ gốc quá hạn. Do đó, lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả không được vượt quá 150% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS. Nay ông Ng, bà O yêu cầu mức lãi suất là 1,5%/tháng là phù hợp, nên chấp nhận.

[5]. Về thời gian tính lãi:

Theo nội dung Giấy nhận vay tiền lần 1, ngày 03/02/2018 thì thời hạn vay các bên thỏa thuận tính từ ngày 03/02/2018 đến ngày 03/6/2022 là 52 tháng. Hợp đồng vay tài sản giữa ông Ng, bà O và chị X là hợp đồng vay có kỳ hạn, do chị X không trả nợ cho ông Ng, bà O đúng hạn, giữa hai bên lại không có thỏa thuận khác, nên thời gian chị X chậm trả nợ gốc tính từ ngày 04/6/2022 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm 22/6/2023, ông Ng, bà O đề nghị tính tròn là 12 tháng là phù hợp. Do chị X chưa trả cho ông Ng, bà O đồng tiền lãi nào và ông Ng, bà O đề nghị lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn cùng một mức, nên tổng thời gian tính lãi là 64 *(Sáu mươi tư phẩy năm)* tháng là phù hợp nên chấp nhận.

[6]. Về số tiền gốc làm căn cứ tính lãi: Đối với số tiền vay lần 1, ngày 03/2/2018, là 60.000.000 đồng, chị X chưa trả được đồng nào nên chị X phải chịu lãi đối với toàn bộ số tiền này với thời gian và lãi suất đã nêu trên.

Số tiền lãi là 60.000.000 đồng x 1,5% x 64 tháng = 57.600.000đ *(Năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

Tổng số tiền cả gốc và lãi của khoản tiền vay lần 1, ngày 03/02/2018 chị X phải trả cho ông Ng, bà O là 60.000.000 đồng + 57.6000.000 đồng = 117.600.000đ *(Một trăm mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

[7]. Đối với hợp đồng vay tài sản giữa ông Ng, bà O và chị X lần 2, lập ngày 03/02/2018, với số tiền 76.300.000 đồng. Căn cứ lời trình bày của ông Ng, bà O phù hợp với nội dung Giấy nhận vay tiền ngày 03/02/2018, đủ căn cứ xác định đây là hợp đồng vay tài sản không có lãi. Nay ông Ng, bà O không yêu cầu chị X phải trả lãi đối với khoản vay này, nên không xem xét về lãi.

[8] Về án phí: Chị X phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm vì toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Ông Ng, bà O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông Ng, bà O số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 463, khoản 1, 5 Điều 466, khoản 1, 2 Điều 468, Điều 357 của BLDS năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 147, 273 của BLTTDS năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Ng, bà Nguyễn Thị O. Buộc chị Nguyễn Thị X phải trả nợ tiền vay cho ông Trần Văn Ng, bà Nguyễn Thị O, cụ thể:

- Chị X phải trả cho ông Ng, bà O khoản tiền vay lần 1, ngày 03/02/2018, gồm: Tiền gốc là 60.000.000 đồng, tiền lãi là 57.600.000đ, tổng cộng là 117.600.000đ *(Một trăm mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (22/6/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS năm 2015.

- Chị X phải trả cho ông Ng, bà O khoản tiền vay lần 2, ngày 03/02/2018, là 76.300.000 đồng *(Bảy mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của BLDS năm 2015.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.695.000đ *(Chín triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng)*.

Ông Trần Văn Ng, bà Nguyễn Thị O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Ng, bà O số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 4.208.000đ *(Bốn triệu hai trăm linh tám nghìn đồng)* theo Biên lai số AA/2021/0015727 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang

Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn Trần Văn Ng đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền cảu nguyên đơn Nguyễn Thị O; vắng mặt bị đơn Nguyễn Thị X. Ông Ng, bà O được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị X được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Viết Tám